TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2019/DS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hữu Tâm

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" thụ lý số 01/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Q; địa chỉ: ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn:

- Huỳnh Thị Kim H

- Trịnh Hoàng G

Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

3. Người làm chứng:

- Trịnh Thị Ánh T, địa chỉ: ấp M, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- Trần Thị N, địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- Dương Thị Lệ N1, địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Q trình bày:

Bà Q là chủ hụi, vợ chồng ông Trịnh Hoàng G, bà Huỳnh Thị Kim H là hụi viên tham gia các dây hụi sau:

- Dây 1: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/3/2015, hụi mãn ngày 30/11/2018, có 45 phần, vợ chồng ông G, bà H tham gia 04 phần:

+ Phần 01: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 06 lần, đến lần khui thứ 07 ngày 30/09/2015 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 11.930.000 đồng.

+ Phần 02: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 11 lần, đến lần khui thứ 12 ngày 01/3/2016 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 12.760.000 đồng.

+ Phần 03: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 14 lần, đến lần khui thứ 15 ngày 30/05/2016 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 13.450.000 đồng.

+ Phần 04: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 22 lần, đến lần khui thứ 23 ngày 30/01/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 16.500.000 đồng.

Từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/11/2018 Vợ chồng ông G, bà H không đóng hụi chết 11 lần x 04 phần x 500.000 đồng = 22.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này.

- Dây 2 (có 04 tổ): Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 05/4/2016, hụi mãn ngày 05/10/2018, có 31 phần, ông G, bà H tham gia 06 phần:

+ Phần 1+2+3: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 01 lần của 03 phần, đến lần khui thứ 02 ngày 05/5/2016 ông G, bà H hốt hết 03 phần hụi được số tiền 27.156.000 đồng.

+ Phần 4+5+6: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 04 lần của 03 phần, đến lần khui thứ 05 ngày 05/6/2018 ông G, bà H hốt hết 03 phần hụi được số tiền 28.320.000 đồng.

Từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/10/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 09 lần x 06 phần x 500.000 đồng = 27.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho vợ chồng ông G, bà H số tiền này.

- Dây 3 (có 04 tổ): Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 05/7/2016, hụi mãn ngày 05/9/2019, có 39 phần, ông G, bà H tham gia 06 phần:

+ Phần 1+2: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 01 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 02 ngày 05/8/2016 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 20.432.000 đồng.

+ Phần 3+4: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 06 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 07 ngày 05/02/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 23.480.000 đồng.

+ Phần 5+6: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 07 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 08 ngày 05/3/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 22.190.000 đồng.

Từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 11 lần x 06 phần x 500.000 đồng = 33.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 09 lần chưa khui.

- Dây 4: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20/8/2016, hụi mãn ngày 20/02/2019, có 31 phần, ông G, bà H tham gia 02 phần:

+ Phần 1: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 04 lần, đến lần khui thứ 05 ngày 20/12/2016 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 17.390.000 đồng.

+ Phần 2: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 08 lần, đến lần khui thứ 09 ngày 20/4/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 19.980.000 đồng.

Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 20/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 11 lần x 02 phần x 1.000.000 đồng = 22.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 02 lần chưa khui.

- Dây 5: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 30/12/2016, hụi mãn ngày 30/3/2020, có 40 phần, ông G, bà H tham gia 03 phần:

+ Phần 1: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 05 lần, đến lần khui thứ 06 ngày 30/5/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 36.520.000 đồng.

+ Phần 2: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 08 lần, đến lần khui thứ 09 ngày 30/8/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 37.700.000 đồng.

+ Phần 3: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 10 lần, đến lần khui thứ 11 ngày 30/10/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 44.650.000 đồng.

Từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/11/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 11 lần x 03 phần x 2.000.000 đồng = 66.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 16 lần chưa khui.

- Dây 6 (có 02 tổ): Hụi nửa tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/12/2016, hụi mãn ngày 15/02/2019, có 52 phần, ông G, bà H tham gia 04 phần:

+ Phần 1+2: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 06 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 07 ngày 30/3/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 25.200.000 đồng.

+ Phần 3+4: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 11 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 12 ngày 15/6/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 34.200.000 đồng.

Từ ngày 15/01/2018 đến ngày 30/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 23 lần x 04 phần x 500.000 đồng = 46.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 03 lần chưa khui.

- Dây 7: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2017, hụi mãn ngày 15/4/2021, có 52 phần, ông G, bà H tham gia 04 phần, đã hốt hụi 01 phần, còn lại 03 phần hụi sống:

+ Phần 1: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 07 lần, đến lần khui thứ 08 ngày 15/08/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 11.860.000 đồng. Từ ngày

15/01/2018 đến ngày 15/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 12 lần x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 28 lần chưa khui.

+ 03 phần hụi còn lại ông G, bà H đóng hụi sống được 15 lần rồi ngưng không đóng nữa cho đến nay.

- Dây 8: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2017, hụi mãn ngày 10/7/2019, có 28 phần, vợ chồng ông G, bà H tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 03 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 04 ngày 10/7/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 33.840.000 đồng. Từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 12 lần x 02 phần x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 07 lần chưa khui.

- Dây 9: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2017, hụi mãn ngày 25/9/2019, có 27 phần, vợ chồng ông G, bà H tham gia 03 phần, đóng hụi sống được 02 lần của 03 phần, đến lần khui thứ 03 ngày 25/10/2017 ông G, bà H hốt 03 phần hụi được số tiền 47.760.000 đồng. Từ ngày 25/01/2018 đến ngày 25/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 12 lần x 03 phần x 1.000.000 đồng = 36.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 09 lần chưa khui.

- Dây 10: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/8/2017, hụi mãn ngày 25/9/2019, có 26 phần, ông G, bà H tham gia 04 phần, đã hốt hụi 01 phần, còn lại 03 phần hụi sống:

+ Phần 1: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 01 lần, đến lần khui thứ 02 ngày 25/9/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 15.375.000 đồng. Từ ngày 25/01/2018 đến ngày 25/12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 12 lần x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 09 lần chưa khui.

+ 03 phần hụi còn lại ông G, bà H đóng hụi sống được 07 lần rồi ngưng không đóng nữa cho đến nay.

- Dây 11: Hụi tuần 200.000 đồng, mở ngày 27/8/2017, hụi mãn ngày 19/8/2018, có 52 phần, ông G, bà H tham gia 04 phần:

+ Phần 1: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 04 lần, đến lần khui thứ 05 ngày 22/9/2017 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 8.085.000 đồng.

+ Phần 2+3: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 11 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 12 ngày 19/11/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 16.400.000 đồng.

+ Phần 4: Vợ chồng ông G, bà H đóng hụi sống được 16 lần, đến lần khui thứ 17 ngày 24/12/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 7.720.000 đồng.

Từ ngày 14/01/2018 đến 18/02/2018 không đóng hụi chết 06 lần, và từ ngày 15/4/2018 đến ngày 19/8/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 19 lần, cộng chung là 25 lần x 04 phần x 200.000 đồng = 20.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này.

- Dây 12: Hụi mùa (4 tháng) 5.000.000 đồng, mở ngày 30/10/2015, có 21 phần, ông G, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 02 lần, đến lần khui thứ 03 ngày 30/7/2016 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 35.740.000 đồng. Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 11 lần chưa khui.

- Dây 13: Hụi mùa (4 tháng) 5.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2016, có 18 phần, ông G, bà H tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 02 lần của 02 phần, đến lần khui thứ 03 ngày 01/3/2017 ông G, bà H hốt 02 phần hụi được số tiền 57.600.000 đồng. Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 04 lần x 02 phần x 5.000.000 đồng = 40.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 11 lần chưa khui.

- Dây 14: Hụi mùa (4 tháng) 3.000.000 đồng, mở ngày 01/3/2017, có 20 phần, ông G, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 01 lần, đến lần khui thứ 02 ngày 19/6/2016 ông G, bà H hốt hụi được số tiền 26.220.000 đồng. Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 ông G, bà H không đóng hụi chết 04 lần x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng, bà Q phải đóng thay cho ông G, bà H số tiền này. Dây hụi này tính đến ngày khởi kiện còn 14 lần chưa khui.

- Dây 15: Hụi mùa (4 tháng) 10.000.000 đồng, mở ngày 30/10/2016, có 18 phần, ông G, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 04 lần rồi ngưng không đóng nữa cho đến nay.

Tổng số tiền hụi ông G, bà H còn nợ bà Q tính đến ngày khởi kiện (tháng 12/2018) là 386.000.000 đồng.

Nay bà Trần Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trịnh Hoàng G, bà Huỳnh Thị Kim H có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 386.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2019, bị đơn Trịnh Hoàng G trình bày:

Ông G cho biết ông với bà Huỳnh Thị Kim H (cùng là bị đơn trong vụ án) là vợ chồng, hiện nay bà H đi làm ăn xa ít khi về gia đình, khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thì ông nhận thay cho bà H và có thông báo lại đầy đủ cho bà H nhưng bà H không về được. Ông G thừa nhận trước đây vợ chồng ông có tham gia nhiều dây hụi do bà Trần Thị Q làm chủ hụi, ông vẫn biết hiện nay vợ chồng ông còn nợ tiền hụi của bà Q, nhưng số tiền cụ thể của từng dây hụi và tổng số nợ bằng bao nhiêu thì ông G không nhớ rõ, ông cho biết là sẽ cố gắng liên hệ với vợ ông (bà H) để tường trình và xác định rõ số nợ để vợ chồng cùng có trách nhiệm trả cho bà Q.

Đối với bị đơn Huỳnh Thị Kim H, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bà H không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tòa án xác minh một số người làm chứng cùng tham gia các dây hụi do bà Q làm chủ hụi là bà Trịnh Thị Ánh T, bà Trần Thị N và bà Dương Thị Lệ N1, được

biết bà Q làm chủ hụi liên tục trong khoảng thời gian dài, mở rất nhiều dây hụi, vợ chồng bà H, ông G cũng tham gia nhiều dây hụi của bà Q làm chủ hụi. Việc mở hụi và giao hụi cho hụi viên thì bà Q thực hiện tốt, tức là mỗi lần mở hụi có người lĩnh hụi đều được bà Q giao hụi đầy đủ; còn việc vợ chồng bà H, ông G có còn nợ chủ hụi do không đóng hụi chết hay không thì những người này không biết rõ. Riêng bà Dương Thị Lệ N1 còn cho biết thêm là trước đây bà cũng từng làm chủ hụi có cho vợ chồng bà H, ông G tham gia một vài dây hụi và cho vay tiền, nhưng trong quá trình tham gia, vợ chồng bà H, ông G cũng không đóng hụi và không trả nợ vay cho bà, làm cho bà phải nhờ đến cơ quan chức năng can thiệp giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 386.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Trịnh Hoàng G và bà Huỳnh Thị Kim H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Trịnh Thị N là người làm chứng vắng mặt không rõ lý do nhưng trước đó có cung cấp lời khai cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại các Điều 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà Q, ông G và bà H đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa bà Q với vợ chồng ông G, bà H là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn (bà Q) cung cấp cho thấy, việc bà Q làm chủ hụi đã tổ chức các dây hụi đều có danh sách hụi viên, có sổ sách ghi chép để theo dõi diễn biến thời gian mở hụi, những người đã lĩnh hụi, chưa lĩnh hụi, những người còn nợ tiền hụi khi đã lĩnh hụi,... tuy chưa được chặt chẽ và đầy đủ, nhưng cũng thể hiện được có sự theo dõi quá trình diễn biến kết quả thực hiện hợp đồng góp hụi giữa chủ hụi với hụi viên. Nội dung khởi kiện của bà Q cho rằng vợ chồng bà H, ông G tham gia 15 dây hụi, trong đó có nhiều phần hụi đã lĩnh hụi xong nhưng không đóng hụi chết hoặc không đóng đầy đủ, bà Q phải đóng thay để duy trì các dây hụi mà bà làm chủ với số tiền là 386.000.000 đồng.

[4] Đối với phía bị đơn, các bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện qua lời khai của ông G cung cấp cho Tòa án, theo đó, ông G thừa nhận vợ chồng ông còn nợ tiền của bà Q ở nhiều dây hụi, nhưng không xác định được cụ thể số tiền này là bao nhiêu, ông cho biết bà H là vợ ông đã được ông thông báo nội dung khởi kiện của bà Q cho bà H biết vì bà H hiện đang đi làm ăn xa, và ông hứa sẽ liên hệ với bà H thống kê chi tiết số tiền còn

nợ để vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Tuy nhiên từ khi cung cấp lời khai cho Tòa án đến nay thì ông và bà H không có bổ sung thêm lời khai nào cho Tòa án, cũng không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Điều này cho thấy ông G, bà H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, nên được coi là mặc nhiên thừa nhận. Mặt khác, hiện nay ông G, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, khi đi không trình báo chính quyền địa phương nên được xác định là ông G, bà H cố tình giấu địa chỉ.

[5] Xét lời khai của những người làm chứng xác nhận ông G, bà H có cùng tham gia nhiều dây hụi do bà Q làm chủ; xác định các hụi viên khi lĩnh hụi được chủ hụi là bà Q giao hụi đầy đủ; kết hợp nội dung khởi kiện của bà Q cho rằng đã đóng thay số tiền 386.000.000 đồng cho vợ chồng bà H, ông G, khi biết được nội dung khởi kiện thì vợ chồng bà H, ông G không phản đối, nên việc bà Q cho rằng có đóng thay số tiền góp hụi cho vợ chồng bà H, ông G là có sự việc có thật trên thực tế.

[6] Xét về lỗi: Ông G và bà H là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền góp hụi cho bà Q, bà Q đã phải đóng thay cho ông G, bà H để duy trì các dây hụi; chính việc vi phạm nghĩa vụ của ông G và bà H đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà Q. Do đó, ông G và bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Q toàn bộ số tiền hụi mà bà Q đã góp thay.

[7] Về áp dụng pháp luật, Hợp đồng góp hụi được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật; hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[8] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng bà H, ông G còn nợ bà Q 386.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông G, bà H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Q số tiền 386.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Tại Toà bà Q không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với các phần hụi, dây hụi vợ chồng ông G, bà H đã đóng vào nhưng chưa lĩnh hụi (hụi sống ở các dây 7, 10 và 15) bà Q không yêu cầu giải quyết, ông G và bà H không có yêu cầu phản tố nên chưa được đặt ra xem xét để khấu trừ; cũng như các dây hụi chưa mãn, chưa đến ngày khui hụi tại thời điểm khởi kiện vào cuối tháng 12/2018 (thể hiện ở các dây 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, và 14) thì Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[10] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 228; 229; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357; 468; 471và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trịnh Hoàng G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Q số tiền 386.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trịnh Hoàng G phải liên đới chịu 19.300.000 đồng. Bà Trần Thị Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.812.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006412 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu